

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 54/2020/DS-ST

Ngày 11/11/2020

“V/v: tranh chấp HĐ vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo; 2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:*  
Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: **04/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N(Vắng mặt)

Địa chỉ: 230/22 N, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phạm Duy C(Theo Giấy ủy quyền ngày 06/3/2020) (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 15, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đồng bị đơn:* 1/ Bà H J Niê; 2/ Bà H N Niê (đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Duy C trình bày:*** Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 04/7/2019, bà Nguyễn Thị Thu N có cho bà H N Niê và bà H J Niê vay số tiền 100.000.000đ và cùng ngày vay thêm số tiền 25.000.000đ hạn 01 tháng sau trả đủ; Ngày 09/7/2019 bà N cho bà H J và bà H N vay tiếp số tiền 100.000.000đ, hạn 01 tháng sau trả đủ. Tổng cộng hai khoản vay là 225.000.000

đồng tiền gốc, lãi suất tự thỏa thuận với nhau. Hiện nay đối với các khoản nợ trên đã quá hạn nhưng bà H N Niê và bà H J Niê không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khi vay, bà H J Niê có đưa cho bà N 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng gồm: 1/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675551 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H J Niê; 2/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675552 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H J Niê; 3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675553 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H J Niê; 4/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675575 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T; 5/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675576 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T; 6/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675577 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T; 7/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675578 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T. Việc bà H J và bà H N đưa 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N là để làm tin chứ không lập hợp đồng cầm cố hay thế chấp gì.

Nay ông yêu cầu bà H N Niê và bà H J Niê trả cho bà N số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ quá hạn trả nợ đến ngày xét xử với mức lãi suất là 10%/năm. Đối với chi phí trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết thì bà H N Niê và bà H J Niê có trách nhiệm chịu.

***Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà H N Niê trình bày:***

Bà xác nhận bà và mẹ bà là bà H J Niê có vay tiền của bà N hai lần với tổng số tiền là 225.000.000 đồng vào ngày 04/7/2019 và 09/7/2019. Bà xác nhận có ký phía dưới giấy vay tiền vào các ngày 04/7/2019, 09/7/2019. Bà đồng ý trả hết số trên cho bà Nguyễn Thị Thu N theo trình tự Thi hành án.

Quá trình tố tụng bà H J Niê không hợp tác nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 280; 463; 464; 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà H J Niê và bà H N Niê liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền gốc là 225.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị Thu N trả lại cho bà H J Niê và bà H N Niê 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về án phí: bà H J Niê và bà H N Niê phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 03/11/2020 các đương sự yêu cầu tạm ngừng phiên tòa trong thời gian 01 tuần để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên, hết thời gian tạm ngừng phiên tòa các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa xác định được: Ngày 04/7/2019 bà Nguyễn Thị Thu N cho bà H J Niê và bà H N Niê vay số tiền 125.000.000 đồng, hẹn trả trong vòng 01 tháng. Tiếp đó, ngày 09/7/2019 bà N cho bà H J và bà H N vay số tiền 100.000.000 đồng, hẹn trả trong vòng 01 tháng. Các lần vay bà H J Niê và bà H N Niê có ký giấy vay tiền, bà H N cũng thừa nhận có vay bà N số tiền này.

Theo kết luận giám định số 110/PC09 ngày 04/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký, chữ viết mang tên H J Niê và H N Niê trong các giấy vay tiền ngày 04/7/2019 và ngày 09/7/2019 so với chữ ký, chữ viết trong các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ngày 04/7/2019 bà H J và bà H N vay của bà N số tiền 125.000.000 đồng, ngày 09/7/2019 vay tiếp 100.000.000 đồng.

Xét thấy, việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, bà H J và bà H N đã không thực hiện như cam kết về thời gian trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H J và bà H N có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà N số tiền gốc 225.000.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Khi vay tiền các bên không ghi lãi suất, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

\* Đối với khoản vay 125.000.000 đồng ngày 04/7/2019 (từ ngày 05/8/2019 đến ngày 11/11/2020 là 01 năm 03 tháng 07 ngày)

$125.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 15.822.000 \text{ đồng.}$

\* Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 09/7/2019 (từ ngày 10/8/2019 đến ngày 11/11/2020 là 01 năm 03 tháng 01 ngày)

$100.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 12.493.000 \text{ đồng.}$

Tổng tiền lãi của hai khoản vay là 28.315.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà H J Niê và bà H N Niê có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu N là 253.315.000 đồng, trong đó nợ gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi là 28.315.000 đồng.

[4] Đối với 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H J Niê và bà H N Niê đưa cho bà N để làm tin, các đương sự đều xác định không có ký kết hợp đồng cầm cố hay thế chấp quyền sử dụng đất. Do đó, bà N có trách nhiệm trả lại 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H J Niê và bà H N Niê.

[5] Về chi phí giám định: Yêu cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ, do đó bà H J Niê và bà H N Niê phải liên đới chịu chi phí giám định là 5.440.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 5.440.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ bị đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà H J Niê và bà H N Niê phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là:  $253.315.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.665.750 \text{ đồng.}$

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N.

Buộc bà H J Niê và bà H N Niê có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 253.315.000 đồng, trong đó nợ gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi là 28.315.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Thu N có trách nhiệm trả lại cho bà H J Niê và bà H N Niê 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675551 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H J Niê; 2/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675552 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H J Niê; 3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675553 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H J Niê; 4/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675575 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T; 5/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675576 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T; 6/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675577 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T; 7/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 675578 do UBND huyện C cấp ngày 07/9/2016 cho bà H N Niê và ông Đinh Văn T.

*Về chi phí giám định:* Bà H J Niê và bà H N Niê phải liên đới chịu 5.440.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu chi phí giám định và được nhận lại 5.440.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp sau khi thu được từ bà H J Niê và bà H N Niê.

*Về án phí:* Bà H J Niê và bà H N Niê phải liên đới chịu 12.665.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền **5.625.000 đồng tạm ứng án phí** theo biên lai thu số AA/2019/0004355 ngày 11/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thiên Lý**